TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2026/DS-ST
Ngày: 27/02/2026.
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Vân;

2. Ông Huỳnh Văn Thanh.

- *Thư ký phiên Tòa:* Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 256/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2026/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 24/2026/QĐST-DS, ngày 29 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn N, sinh năm 1968; (có mặt)
Địa chỉ: 6 Đ, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Ông Phan Thành B, sinh năm 1979; (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 15/10/2025 và lời trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Văn N trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên tôi có cho ông Phan Thành B vay 02 lần tiền cụ thể như sau:

- Ngày 13/6/2024 ông B mượn số tiền 10.000.000đ hẹn ngày 13/9/2024 sẽ trả.
- Ngày 16/9/2024 ông B mượn tiếp số tiền 50.000.000đ, hẹn ngày 16/3/2025 sẽ trả.

Cả 02 lần mượn ông B có viết biên nhận nợ nhưng đến nay vẫn chưa trả số tiền nào cho tôi. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Thành B trả cho tôi số tiền vay 60.000.000đ và tiền lãi tính theo mức lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 16/9/2024 đến ngày 16/02/2026 là 16.932.000đ, theo mức lãi suất 1,66%/tháng, yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi ông B trả xong số tiền nợ.

* Bị đơn ông Phan Thành B: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông B vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự; Bị đơn có nơi cư trú tại ấp M, xã T, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật số: 85/2025/QH15 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Phan Thành B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để dự phiên tòa sơ thẩm lần thứ 2 nhưng ông B vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Phan Thành B.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn ông Lê Văn N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Thành B trả số tiền vốn vay là 60.000.000đ và tiền lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 16/9/2024 đến ngày 16/02/2026 là 16.932.000đ, theo mức lãi suất 1,66%/tháng, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa ông Lê Văn N và ông Phan Thành B thực tế có phát sinh. Bởi tại phiên tòa ông N cung cấp bản chính "Biên nhận mượn tiền" ngày 16/9/2024 số tiền vay 50.000.000đ và "Biên nhận mượn tiền" ngày 13/6/2024 số tiền vay 10.000.000đ có ông Phan Thành B viết và ký tên. Ông N trình bày, do biết ông B đang bán căn tin tại Trại giam Công an tỉnh T, có nhu cầu vay vốn nên ông đã cho ông B vay 02 lần với số tiền 60.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng. Để làm tin ông B có cho ông N xem "Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh" của ông B với tên hộ kinh doanh là "Hộ kinh doanh quán ăn gia đình 779". Sau khi vay tiền ông B hẹn nhiều lần nhưng không trả tiền và hiện nay ông B cũng không còn kinh doanh tại căn tin Trại giam như trước đây, ông N nhiền lần liên hệ yêu cầu ông B trả tiền nhưng ông B cố tình tránh mặt và không trả khoản tiền lãi, tiền vốn vay nào cho ông N từ khi vay tiền cho đến nay. Phía ông Phan Thành B đã được Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nêu rõ yêu cầu và số tiền ông N yêu cầu ông B phải trả, nhưng ông B cố tình vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông N. Như vậy ông B đã mặc nhiên thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông N và đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những tài liệu chứng cứ và nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N là có căn cứ, cần được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông Phan Thành B1 có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn N số tiền vốn vay 60.000.000đ (theo biên nhận vay ngày 13/6/2024 và ngày 16/9/2024) và tiền lãi tính từ ngày 16/9/2024 đến ngày 16/02/2026 là 16.932.000đ, tổng cộng 76.932.000đ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức

thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật số: 85/2025/QH15 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn N.

Buộc ông Phan Thành B có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn N số tiền vốn vay 60.000.000đ (theo biên nhận vay ngày 13/6/2024 và 16/9/2024) và tiền lãi tính từ ngày 16/9/2024 đến ngày 16/02/2026 là 16.932.000đ, tổng cộng 76.932.000đ (Bảy mươi sáu triệu chín trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Lê Văn N có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Phan Thành B chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2/ Về án phí:

- Ông Phan Thành B phải chịu 3.846.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- H lại cho ông Lê Văn N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.828.333đ theo biên lai thu số 0008660, ngày 21/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3/ Về quyền kháng cáo: Ông Lê Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Phan Thành B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đồng Tháp;*
- *VKSND KV4 - ĐT;*
- *THADS tỉnh ĐT;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Kim Thoa